

Số: 357/STP-QLXLVPHC&TDTHPL

Hung Yên, ngày 08 tháng 4 năm 2020

V/v xử lý vi phạm pháp luật trong
phòng chống dịch Covid- 19

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Chỉ thị số 08/CT-CTUBND ngày 27/3/2020 và Chỉ thị số 09/CT-CTUBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid- 19.

Ngày 02/4/2020, Bộ Y tế công bố ca nhiễm số 219 có địa chỉ thôn Chí Chung, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 918/QĐ-UBND về việc thiết lập vùng cách ly, phòng chống dịch Covid- 19. Trong thời gian tới, dự báo tình hình dịch bệnh trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, có nhiều nguy cơ lây lan ra cộng đồng, trong đó có cả tỉnh Hưng Yên¹. Qua công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về phòng chống dịch bệnh Covid 19 trên địa bàn, nhận thấy các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn thể nhân dân tỉnh Hưng Yên đang cùng với cả nước chung sức thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống dịch. Tuy nhiên, vẫn có không ít trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch bệnh và theo quy định pháp luật sẽ bị xử lý.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại mục 6, phần IV, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện một số nội dung công tác xử lý vi phạm về phòng, chống dịch Covid- 19 theo quy định của pháp luật (chủ yếu liên quan đến lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính) trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Căn cứ pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật trong phòng chống dịch Covid- 19

Dịch Covid-19 viết tắt của cụm từ “Coronavirus disease 2019”, là dịch bệnh do virus Corona gây ra và xuất hiện lần đầu năm 2019. Tác nhân gây bệnh sau đó được xác định là một chủng mới của virus Corona. Chủng virus mới này được tìm ra năm 2019 nên được ký hiệu là 2019-nCoV (viết tắt của cụm từ “2019 Novel Coronavirus”). Vì thế, ban đầu dịch bệnh này có tên là “Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona 2019-nCoV”.²

¹ Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên.

² Cục Quân Y- Học viện Quân y, 100 câu hỏi- đáp về dịch bệnh Covid- 19.

Theo Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 thì “bệnh truyền nhiễm là bệnh lây truyền trực tiếp hoặc gián tiếp từ người hoặc từ động vật sang người do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm”³. Dịch bệnh “ là sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm với số người mắc bệnh vượt quá số người mắc bệnh dự tính bình thường trong một khoảng thời gian xác định ở một khu vực nhất định”⁴.

Các bệnh truyền nhiễm được phân chia làm 3 nhóm: Nhóm A: Là những bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm, lây truyền nhanh; phát tán rộng; tỷ lệ tử vong cao hoặc chưa rõ tác nhân gây bệnh. Nhóm B: Là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có khả năng lây truyền nhanh và có thể gây tử vong. Nhóm C: Là các bệnh ít nguy hiểm, khả năng lây truyền không nhanh và ít gây tử vong. Trên cơ sở đó, dịch Covid-19 được Bộ Y tế xếp vào nhóm A - nhóm đặc biệt nguy hiểm vì bệnh có khả năng lây lan nhanh trong cộng đồng, chưa có thuốc điều trị đặc hiệu và cũng chưa có vắc xin phòng bệnh, tỷ lệ tử vong ban đầu được dự báo có thể lên tới 5%⁵.

Hiện nay, Ban Chỉ đạo phòng chống bệnh dịch quốc gia, Bộ y tế và các cơ quan chức năng về phòng chống dịch bệnh xác định thời điểm này Việt Nam đã bước sang giai đoạn 3 – giai đoạn dịch bệnh lây lan trong cộng đồng sẽ khó kiểm soát hơn, nguy hiểm hơn. Bởi vậy, thực hiện giãn cách xã hội, cách ly toàn xã hội là cần thiết để bảo vệ sức khỏe công dân và cũng là biện pháp khẩn cấp để chống dịch Covid-19. Để thực hiện mục tiêu này thì Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 447/QĐ-TTg Công bố dịch bệnh Covid-19 trên cả nước, đồng thời bắt buộc thực hiện các quy định trong các văn bản như Chỉ thị 05/CT-TTg, Chỉ thị số 15/CT-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg. Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-CTUBND ngày 27/3/2020 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid- 19, Chỉ thị số 09/CT-CTUBND ngày 31/3/2020 về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid- 19 và nhiều văn bản khác liên quan.

Như vậy, khi quyết định công bố tình trạng dịch bệnh trên cả nước được ban hành, đồng thời quy định hiệu lực bắt buộc đối với các chỉ thị, văn bản trước đó của Thủ tướng và Ban Chỉ đạo phòng chống bệnh dịch thì bắt buộc công dân phải tuân thủ các quy định này. Văn bản này được xác định là văn bản có tính chất quy phạm pháp luật, bắt buộc mọi người phải tuân theo, áp dụng trên phạm vi cả nước, người nào vi phạm các quy định này, vi phạm điều cấm của pháp luật thì sẽ phải chịu chế tài theo quy định của pháp luật, trong đó có hình thức xử lý về hành vi vi phạm hành chính và trách nhiệm hình sự theo một số căn cứ pháp lý cụ thể như sau:

- Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

³ Khoản 1 Điều 2, Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007

⁴ Khoản 13 Điều 2, Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007

⁵ Cục Quản Y- Học viện Quân y, 100 câu hỏi- đáp về dịch bệnh Covid- 19

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý VPHC và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP;

- Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC;

- Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực có liên quan đến công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong đó có dịch bệnh Covid-19 như: Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn...

- Thông tư của các Bộ, ngành quy định về ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu trong xử phạt VPHC.

II. Một số hành vi vi phạm hành chính cụ thể liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và hình thức xử phạt

1. Không khai báo, che giấu dịch Covid-19

Tại Quyết định số 219/QĐ-BYT ngày 29/01/2020 của Bộ Y tế đã bổ sung dịch bệnh Covid-19 vào danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm A. Theo đó, tại Điều 6 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế, người có hành vi vi phạm quy định về giám sát bệnh truyền nhiễm bị xử lý như sau:

“1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không khai báo khi phát hiện người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 01 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Che giấu hiện trạng bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A của bản thân hoặc của người khác mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A;

b) Không thực hiện việc xét nghiệm phát hiện bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

Ngoài ra, người nào khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối gây lây truyền dịch bệnh Covid-19 cho người khác bị xử lý theo Điều 240 Bộ luật Hình sự (theo hướng dẫn điểm 1.1 mục 1 Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

2. Người không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra, vào vùng có dịch

Người không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra vào vùng có dịch bị phạt tiền tối đa đến 20.000.000 đồng (áp dụng theo điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế).

Ngoài ra, người có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì bị xử lý theo Điều 330 Bộ luật Hình sự (theo hướng dẫn điểm 1.9 mục 1 Công văn 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

3. Tung tin giả về dịch bệnh Covid-19

Trước khi Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 15/4/2020) tại Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện chưa có điều khoản riêng về xử phạt đối với hành vi đưa tin giả mạo, sai sự thật trên mạng xã hội mà quy định xử phạt chung đối với hành vi đưa tin giả mạo, sai sự thật (không phân biệt kênh đưa thông tin).

Từ ngày 15/4/2020, các quy định tại Nghị định số 174/2013/NĐ-CP sẽ được thay thế bởi Nghị định số 15/2020/NĐ-CP. Theo đó, tại Điều 101 Nghị định này quy định rõ hơn về mức phạt đối với hành vi tung tin giả mạo, sai sự thật trên mạng xã hội. Cụ thể, hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân là một trong số các hành vi bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng. Ngoài việc phạt tiền, người có hành vi vi phạm bị buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật.

(Đối với người có hành vi vi phạm như: tung tin giả mạo, không đúng sự thật về dịch bệnh Covid-19 trước ngày 15/4/2020, nhưng bị phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính từ ngày 15/4/2020 thì áp dụng khoản 2 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP để xử phạt).

4. Trốn khỏi nơi cách ly

Tùy vào tính chất và mức độ vi phạm của hành vi trốn khỏi nơi cách ly mà xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể:

4.1. Xử phạt vi phạm hành chính: Bị xử phạt đến 10 triệu đồng

Theo Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế, người nào từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, đối tượng kiểm dịch y tế biên giới mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sẽ bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng; đồng thời, bị buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

4.2. Về xử lý hình sự: Có thể bị phạt tù với mức cao nhất là 12 năm

Theo Điều 240, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người, cụ thể như sau:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

a) Đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người;

c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm:

a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế;

b) Làm chết người.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 12 năm:

a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

b) Làm chết hai người trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.”).

5. Không đeo khẩu trang nơi công cộng

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100 ngàn đồng đến 300 ngàn đồng đối với hành vi “Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế” (điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP).

6. Vứt khẩu trang đã sử dụng không đúng nơi quy định

Vứt khẩu trang đã sử dụng không đúng nơi quy định tại nơi công cộng bị phạt tiền tối đa đến 5.000.000 đồng, nếu vứt ra vỉa hè, đường phố bị phạt tiền tối đa đến 7.000.000 đồng (áp dụng theo điểm c, d khoản 1 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường).

7. Tăng giá bán khẩu trang

Căn cứ khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 5 Điều 12 Luật Giá năm 2012, các cơ sở sản xuất, kinh doanh khẩu trang y tế phải niêm yết giá bán khẩu trang và không được bán cao hơn mức giá này.

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn:

“Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật;

b) Niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi tại Khoản 1 Điều này vi phạm từ lần thứ hai trở lên.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Khoản 5 Điều này.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật ngoài hình thức niêm yết giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, kê khai giá.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi bán cao hơn giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không công khai về Quỹ bình ổn giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều này, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước.”.

8. Cơ sở kinh doanh hoạt động trong thời gian bị yêu cầu tạm đóng cửa hoặc cá nhân vi phạm quy định về áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người

Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP:

“4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch;

b) Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh;

c) Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.”.

Lưu ý: Trường hợp nghị định xử phạt vi phạm hành chính quy định mức tiền phạt áp dụng đối với cá nhân thì khi áp dụng đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân và ngược lại.

III. Thẩm quyền xử phạt VPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

1. Những người có thẩm quyền xử phạt VPHC và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định từ Điều 38 đến Điều 51 của Luật Xử lý VPHC và Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực. Riêng đối với việc xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế (các hành vi VPHC liên quan đến công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong đó có dịch bệnh Covid-19), thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND các cấp được quy định tại Điều 89 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP, theo đó:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- *Phạt cảnh cáo;*

- *Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;*

- *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;*

- *Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý VPHC.*

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- *Phạt cảnh cáo;*

- *Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng và phòng, chống HIV/AIDS; đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;*

- *Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;*

- *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*

- *Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c, d, e, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý VPHC và các khoản quy định tại Điều 3 Nghị định Nghị định số 176/2013/NĐ-CP.*

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- *Phạt cảnh cáo;*

- *Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng và phòng, chống HIV/AIDS; đến 100.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;*

- *Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;*

- *Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*

- *Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định Nghị định số 176/2013/NĐ-CP.*

2. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt VPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Xử lý VPHC.

IV. Trình tự, thủ tục thực hiện xử phạt VPHC.

1. Hành vi, chủ thể, đối tượng VPHC:

Được quy định tại Điều 5 Luật Xử lý VPHC; Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực có liên quan đến công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong đó có dịch bệnh Covid-19.

2. Lập Biên bản VPHC:

2.1. Khi phát hiện VPHC thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý VPHC).

Việc xử phạt VPHC không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt VPHC tại chỗ.

Quyết định xử phạt VPHC tại chỗ được thực hiện theo mẫu biểu MQĐ01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP đối với Chủ tịch UBND các cấp (trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền xử phạt VPHC có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

2.2. Khi lập biên bản VPHC cần thực hiện theo các nội dung sau:

a) Về thẩm quyền lập biên bản: Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

b) Về thủ tục, nội dung lập biên bản VPHC;

- Biên bản VPHC phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn VPHC và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có); lời khai của người vi phạm hoặc gia đình của người vi phạm; nếu có người chứng kiến thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về VPHC của người vi phạm hoặc đại diện gia đình của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình (nếu có).

Trường hợp người vi phạm, đại diện gia đình người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến;

- Một hành vi VPHC chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC trong cùng một vụ vi phạm, thì biên bản VPHC phải ghi rõ từng hành vi vi phạm;

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền xử phạt phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý VPHC hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt.

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị ra quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm chưa thi hành hoặc đang thi hành quyết định mà sau đó vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó, thì hành vi vi phạm này được coi là hành vi vi phạm mới;

- Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, hoặc đại diện gia đình thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định (tham gia việc lập biên bản) phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện gia đình người vi phạm, người chứng kiến từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản;

- Biên bản VPHC lập xong phải giao cho cá nhân, đại diện gia đình người vi phạm 01 bản; trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên VPHC (chưa đủ 18 tuổi) thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người vi phạm;

c) Mẫu biểu: Sử dụng đúng mẫu biểu MBB01 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền lập biên bản VPHC có quy định mẫu biểu riêng).

2.3. Xác minh tình tiết phức tạp của vụ việc VPHC:

Đối với những trường hợp có tình tiết phức tạp, trước khi ra quyết định xử phạt người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh có hay không hành vi VPHC xảy ra trên thực tế, lỗi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... Hoạt động này thể hiện trước hoặc sau khi lập Biên bản VPHC và có thể được thực hiện cùng với các trình tự, thủ tục xử phạt tiếp theo cho đến khi ra quyết định xử phạt. Quá trình xác minh phải thể hiện bằng văn bản để đảm bảo tính khách quan, chính xác các tình tiết phức tạp của vụ việc vi phạm.

2.4 Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt VPHC:

- Trong quá trình xem xét vụ việc, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm đánh giá đúng mức độ, tính chất của vụ việc vi phạm; nếu trường hợp vi phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng thì phải chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền hoặc ngược lại.

- Trình tự, thủ tục, thời hạn xem xét, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt và cơ quan tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Xử lý VPHC. Lưu ý, phải chấp hành đúng các quy định về thời hiệu xử lý VPHC, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng vi phạm, tránh bỏ lọt tội phạm. Thời hạn ban hành quyết định xử phạt trong trường hợp này là 30 ngày hoặc tối đa 45 ngày.

2.5 Xác định mức tiền phạt trong các trường hợp cụ thể:

- Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi VPHC không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung tiền phạt và mức tối thiểu của khung tiền phạt.

- Đối với hành vi VPHC có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể được giảm xuống thấp hơn so với mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung hình phạt đó; nếu có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 10 Luật Xử lý VPHC thì mức tiền phạt có thể tăng trên mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt đó.

- Đối với hành vi VPHC vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xem xét theo nguyên tắc giảm trừ, cứ một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ, nếu không còn tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại điểm 1 của nội dung này; trường hợp còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại điểm 2 của nội dung này.

2.6 Quyết định xử phạt VPHC:

- Thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC. Trường hợp phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 60 ngày (nhưng phải có văn bản gia hạn theo Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý VPHC).

- Trường hợp ban hành 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi VPHC và trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân.

- Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ trường hợp thời gian nhiều hơn được ghi trong quyết định.

- Một số nội dung lưu ý khi ban hành quyết định xử phạt VPHC:

+ Sử dụng đúng mẫu biểu MQĐ02 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp Thông tư của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt có quy định thì sử dụng mẫu biểu riêng).

+ Trường hợp cấp phó ký quyết định thì phải ghi rõ văn bản ủy quyền.

+ Ngày có hiệu lực của quyết định: Có thể từ ngày ký hoặc ghi ngày cụ thể trong quyết định.

Các biện pháp khắc phục hậu quả: Phải ghi đúng hình thức khắc phục theo quy định của Luật Xử lý VPHC và các văn bản liên quan.

+ Trường hợp phạt tiền thì phải ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc phải nộp hoặc tên Ngân hàng được Kho bạc nhà nước ủy quyền thu để người vi phạm thực hiện.

+ Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Khoản 8, 9, 10, 11 và 12, Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.

2.7 Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC:

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt VPHC không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định thì sẽ bị cưỡng chế. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC được thực hiện theo Điều 85, 86, 87, 88 Luật Xử lý VPHC và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC.

2.8 Lưu trữ hồ sơ xử phạt VPHC:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý VPHC và hướng dẫn của Bộ, ngành thuộc người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt theo quy định.

Gửi kèm theo Công văn này 03 mẫu biểu áp dụng trong xử phạt VPHC đối với UBND các cấp

Trân trọng đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- TT. BCĐ phòng chống dịch;
- Báo Hưng Yên, Đài PT-TH tỉnh (p/h tuyên truyền) ;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, QLXLVPHC&TDTHPL.

} Để
báo
cáo

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Hải Hoàn

CƠ QUAN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH*
Về⁽²⁾

Hôm nay, hồi ... giờ ... phút, ngày .../.../... tại⁽³⁾

Căn cứ⁽⁴⁾

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan:

2. Với sự chứng kiến của⁽⁵⁾:

a) Họ và tên: Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện nay:

b) Họ và tên: Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện nay:

c) Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:; ngày cấp: .../.../...; nơi cấp:

<1. Tên tổ chức vi phạm>:

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

Ngày cấp: .../.../...; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật⁽⁶⁾: Giới tính:

Chức danh⁽⁷⁾:

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính⁽⁸⁾:

3. Quy định tại⁽⁹⁾

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại⁽¹⁰⁾:

5. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:

6. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

8. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm⁽¹¹⁾:

10. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Tình trạng	Ghi chú

11. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

--	--	--	--	--

Ngoài những tang vật, phương tiện VPHC và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.
 12. Trong thời hạn ⁽¹²⁾ ... ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông(bà)⁽¹³⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi <văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình> đến ông (bà) ⁽¹⁴⁾ để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi ... giờ ... phút, ngày ... / ... / ... , gồm ... tờ, được lập thành ... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)⁽¹³⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

<Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản>

Lý do ông (bà) ⁽¹³⁾ cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản ⁽¹⁵⁾:

**CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM**

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽²⁾ Ghi tên lĩnh vực quản lý nhà nước theo tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽³⁾ Ghi địa điểm lập biên bản là nơi xảy ra vi phạm hoặc trụ sở cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản.

⁽⁴⁾ Ghi đầy đủ các căn cứ của việc lập biên bản như: Kết luận thanh tra; biên bản làm việc; kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 64 Luật XLVPHC;....

⁽⁵⁾ Trường hợp cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải mời 02 người chứng kiến hoặc mời đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm để chứng kiến.

⁽⁶⁾ Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁷⁾ Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁸⁾ Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm,...), đối với vi phạm trên các vùng biển cần ghi rõ tên tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, tọa độ, hành trình.

⁽⁹⁾ Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽¹⁰⁾ Ghi họ và tên của người bị thiệt hại. Trường hợp tổ chức bị thiệt hại, thì ghi họ và tên, chức vụ người đại diện tổ chức bị thiệt hại và tên của tổ chức bị thiệt hại.

⁽¹¹⁾ Ghi cụ thể tên các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đã được áp dụng.

⁽¹²⁾ Ghi cụ thể thời hạn: Không quá 02 ngày làm việc, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm yêu cầu giải trình trực tiếp; không quá 05 ngày, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm giải trình bằng văn bản.

⁽¹³⁾ Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm. Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha/mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

⁽¹⁴⁾ Họ và tên, chức vụ của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

⁽¹⁵⁾ Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan khác....

d) Ông (bà)/Tổ chức ⁽¹⁷⁾ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho ⁽¹⁸⁾ để thu tiền phạt.

3. Gửi cho ⁽¹⁹⁾ để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho ⁽²⁰⁾ để biết/.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để xử phạt VPHC theo thủ tục không lập biên bản quy định tại Điều 56 Luật XLVPHC.

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra thuyết định xử phạt vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

⁽²⁾ Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

⁽³⁾ Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).

⁽⁴⁾ Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; Ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁶⁾ Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁷⁾ Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽⁹⁾ Ghi rõ một trong các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC (cảnh cáo hoặc phạt tiền).

⁽¹⁰⁾ Trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ.

⁽¹¹⁾ Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁽¹²⁾ Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện.

⁽¹³⁾ Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

⁽¹⁴⁾ Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc NN hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc NN ủy nhiệm thu tiền phạt.

⁽¹⁵⁾ Ghi số tài khoản mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản.

⁽¹⁶⁾ Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

⁽¹⁷⁾ Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.

⁽¹⁸⁾ Trong trường hợp quyết định xử phạt chỉ áp dụng hình thức phạt tiền mà cá nhân/tổ chức vi phạm không có tiền nộp phạt tại chỗ, thì ghi rõ một trong các loại giấy tờ được tạm giữ quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

⁽¹⁹⁾ Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

⁽²⁰⁾ Ghi họ và tên của cha/mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật xử lý vi phạm hành chính.

CƠ QUAN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-XPVPHC

⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản*

Căn cứ Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ ⁽³⁾.....;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-GQXP ngày .../.../ (nếu có),

Tôi:

Chức vụ ⁽⁴⁾:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp: .../.../.....; nơi cấp:

<1. Tên tổ chức vi phạm >:

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

Ngày cấp: .../.../.....; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật ⁽⁵⁾: Giới tính:

Chức danh ⁽⁶⁾:

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính ⁽⁷⁾:

3. Quy định tại ⁽⁸⁾:

4. Địa điểm xảy ra vi phạm:

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có):

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính ⁽⁹⁾:

Mức phạt ⁽¹⁰⁾: (Bằng chữ:))

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có) ⁽¹¹⁾:

3. Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) ⁽¹²⁾:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà) ⁽¹³⁾..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt.

Trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, thì ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại ⁽¹⁴⁾..... hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số ⁽¹⁵⁾..... của ⁽¹⁶⁾..... trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Thời hạn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung là ngày; thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà ông (bà)/tổ chức ⁽¹⁷⁾..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành.

c) Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 bị tạm giữ ⁽¹⁸⁾..... để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

CƠ QUAN ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-XPVPHC

⁽²⁾, ngày ... tháng ... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính*

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ ⁽³⁾

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-VPHC lập ngày .../.../..... ;

Căn cứ Biên bản phiên giải trình trực tiếp số .../BB-GTTT lập ngày .../.../..... (nếu có);

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số .../BB-XM lập ngày .../.../..... (nếu có);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số .../QĐ-GQXP ngày .../.../..... (nếu có),

Tôi:

Chức vụ ⁽⁴⁾

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<1. Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:; ngày cấp: .../.../.....; nơi cấp:

<1. Tên tổ chức vi phạm >:

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số doanh nghiệp:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

Ngày cấp: .../.../.....; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật ⁽⁵⁾: Giới tính:

Chức danh ⁽⁶⁾:

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính ⁽⁷⁾:

3. Quy định tại ⁽⁸⁾:

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có):

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có):

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính ⁽⁹⁾:

Cụ thể ⁽¹⁰⁾:

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có) ⁽¹¹⁾:

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) ⁽¹²⁾:

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả ⁽¹³⁾ ... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là: (Bằng chữ:) cho ⁽¹⁴⁾ là cơ quan đã

thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../.....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà) ⁽¹⁵⁾ là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại

Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông (bà)/tổ chức⁽¹⁶⁾ không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức⁽¹⁶⁾ phải nộp tiền phạt tại⁽¹⁷⁾ hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số⁽¹⁸⁾ của⁽¹⁹⁾ trong thời hạn ... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/Tổ chức⁽¹⁶⁾ có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho⁽¹⁹⁾ để thu tiền phạt.

3. Gửi cho⁽²⁰⁾ để tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính.

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

⁽²⁾ Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ

⁽³⁾ Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).

⁽⁴⁾ Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt, vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân, Ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁶⁾ Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

⁽⁷⁾ Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

⁽⁹⁾ Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (cảnh cáo/phạt tiền/tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/trục xuất).

⁽¹⁰⁾ Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc, đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁽¹¹⁾ Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

⁽¹²⁾ Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện.

⁽¹³⁾ Ghi cụ thể thời hạn thực hiện của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

⁽¹⁴⁾ Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

⁽¹⁵⁾ Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

⁽¹⁶⁾ Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.

⁽¹⁷⁾ Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc NN hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc NN ủy nhiệm thu tiền phạt.

⁽¹⁸⁾ Ghi số tài khoản mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản.

⁽¹⁹⁾ Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

⁽²⁰⁾ Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.